

Số: 42/2019/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 03/7/2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 107/2019/TLST-DS ngày 21/5/2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Nguyễn Thị Thanh U**, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: khu phố N, phường M, thành phố D, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh **Nguyễn Nhật Nam**, sinh năm: 1992 - Địa chỉ: Khu phố N, phường M, thành phố D, tỉnh Bến Tre là người đại diện theo ủy quyền của bà U.

+ Bị đơn: - **Nguyễn Thị Kim N**, sinh năm: 1959 .

- **Nguyễn Thành L**, sinh năm: 1957.

Cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà N là người đại diện theo ủy quyền của ông L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Thành L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thanh U số tiền còn nợ là 500.000.000 đồng (*năm trăm triệu đồng*) vào ngày 03/8/2019.

Ghi nhận bà U không yêu cầu bà N, ông L tính lãi của số tiền trên đến thời điểm hai bên thỏa thuận trả nợ.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà U nếu bà N, ông L chưa trả số tiền trên thì hàng tháng bà N, ông L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2.2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị Kim N và ông Nguyễn Thành L phải liên đới chịu số tiền là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Ông L có đơn xin miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi nên được xem xét miễn án phí $\frac{1}{2}$ của số tiền 6.000.000 đồng (là phần ông L phải nộp) theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí. Bà Nguyễn Thị Kim N phải chịu số tiền án phí là 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Bà Nguyễn Thị Thanh U phải chịu số tiền là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*). Do bà U đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 12.440.000 đồng nên được khấu trừ theo biên lai thu số 0003226 ngày 17/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà U được nhận lại số tiền là 6.440.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lê Thị Thúy Hằng